

Bản án số: 81/2022/HSST.

Ngày: 31-5-2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Ngọc An.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Ngẫu.

- Ông Nguyễn Văn Ba.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Ông Lương Duy Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 50/2022/HSST ngày 23 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2022/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2022/HSST-QĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Thị N, sinh năm 1977 tại tỉnh H.

Nơi đăng ký thường trú: Ấp P, thị trấn M, huyện C, tỉnh H.

Nơi sinh sống: Ấp 5, xã A, huyện L, tỉnh Đ.

Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H, sinh năm 1954 và bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1954; bị cáo là con thứ 3 trong gia đình có 06 anh chị em. Bị cáo có chồng tên Nguyễn Văn O, sinh năm 1974 và 02 con lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2006.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

- Bị hại: Ngân hàng N.

Địa chỉ trụ sở: Số 02 Láng Hạ, phường T, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Hữu D, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh N.

Địa chỉ: Số 01, Trần P, khu P, TT.L, huyện L, tỉnh Đ (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Đinh Thị Y, sinh năm 1995.

HKTT: Thôn S, xã V, huyện V, tỉnh B.

Địa chỉ: Ấp 5, xã T, huyện L, tỉnh Đ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 21/9/2020 Trần Thị N sử dụng giấy chứng minh nhân dân ghi tên chị Đinh Thị Y, rồi lấy hình thẻ của N dán vào hình trên chứng minh nhân dân của chị Y, đem đến Ngân hàng N chi nhánh N (Agribank) nói dối với nhân viên ngân hàng N là chị Đinh Thị Y và đề nghị được cấp lại thẻ ATM đồng thời khóa thẻ ATM mà chị Y đã mở trước đó vì lý do bị mất, sau khi có thẻ ATM Nhung đã thực hiện 06 (sáu) lần rút tiền từ tài khoản của chị Đinh Thị Y trong đó Nhung rút tiền tại quầy giao dịch ngân hàng 01 lần với số tiền 600.000 đồng và rút từ trụ ATM 05 lần trong đó 01 lần rút số tiền 1.000.000 đồng, 03 lần rút mỗi lần số tiền 3.000.000 đồng và 01 lần rút số tiền 300.000 đồng. Tổng số tiền N chiếm đoạt của Ngân hàng là 10.900.000 đồng.

Sau khi bị mất tiền chị Đinh Thị Y đến Ngân hàng Agribank - chi nhánh N trình báo, thì Ngân hàng phát hiện có người làm giả nên khóa thẻ để ngăn chặn giao dịch.

Ngày 13/10/2020 Trần Thị N đến Ngân hàng Agribank - chi nhánh N, trình báo việc bị khóa thẻ thì bị nhân viên Ngân hàng giữ lại và trình báo Công an thị trấn L lập biên bản ghi nhận sự việc, chuyển Công an huyện Long Thành điều tra.

Về vật chứng và tài sản tạm giữ gồm: 01 chứng minh nhân dân ghi tên Đinh Thị Y; 01 thẻ ATM có số thẻ 9704053024543760; 01 thẻ ATM có số thẻ 9704053015573735; 01 thẻ ATM có số thẻ 0904053006685969 (do Ngân hàng Agribank phát hành) và số tiền 1.000.000 đồng do Trần Thị N giao nộp.

Trước Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành, Trần Thị N đã khai nhận hành vi phạm tội nêu trên phù hợp lời khai bị hại, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu, vật chứng thu thập tại hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 46/CT-VKSLT ngày 21/3/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố bị cáo Trần Thị N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm

2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Trần Thị N mức án tù 10 tháng tù đến 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 3.000.000 đồng bị cáo tự nguyện nộp lại nhưng không ai yêu cầu bồi thường.

Đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy 01 thẻ ATM có số thẻ 0904053006685969 là phương tiện phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Trong quá trình điều tra Trần Thị N khai sự việc N dùng chứng minh nhân dân làm giả dán hình N nhưng tên của chị Y và đến Ngân hàng làm thẻ ATM để lừa Ngân hàng lấy tiền là do Trần Quốc C chỉ và yêu cầu N làm (C là chồng của Đinh Thị Y). Tiến hành điều tra xác minh chưa làm việc được với Trần Quốc C do chưa xác định được C đang ở đâu nên cơ quan điều tra tiếp tục xác minh xử lý sau.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị N khai nhận: Từ ngày 21/9/2020 đến ngày 09/10/2020 tại thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Trần Thị N có hành vi dùng thủ đoạn gian dối bằng cách dùng hình thẻ của N đã dán vào giấy chứng minh nhân dân tên Đinh Thị Y đến Ngân hàng N (tại chi nhánh N) giả vờ nhận mình là Đinh Thị Y và khai báo mất thẻ ATM để được làm lại thẻ ATM tên Đinh Thị Y lừa đảo chiếm đoạt số tiền 10.900.000 đồng của Ngân hàng N (chi nhánh N) quản lý.

Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trần Thị N đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố bị cáo N là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương và xâm phạm đến quyền sở hữu hợp

pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật, nhận thức rõ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi trái pháp luật bị nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn thực hiện.

Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử có xem xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường khắc phục hậu quả nên xem xét áp dụng điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Về trách nhiệm dân sự, vật chứng vụ án:

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị Y cũng không có yêu cầu gì trong vụ án này nên không xem xét. Dành quyền khởi kiện cho Ngân hàng, chị Y khi có yêu cầu theo quy định pháp luật.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy 01 thẻ ATM có số thẻ 0904053006685969 là phương tiện phạm tội.

Tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 3.000.000 đồng bị cáo tự nguyện nộp khắc phục hậu quả (quá trình điều tra bị cáo nộp 1.000.000 đồng, quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo nộp 2.000.000 đồng) và không ai yêu cầu bồi thường trong vụ án này.

[4] Về vấn đề khác: Trong quá trình điều tra Trần Thị N khai sự việc N dùng chứng minh nhân dân làm giả dán hình N nhưng tên của chị Y và đến Ngân hàng nhận N là Đinh Thị Y để lừa Ngân hàng yêu cầu làm lại thẻ ATM nhằm lấy tiền là do Trần Quốc C chỉ và yêu cầu N làm (C là chồng của Đinh Thị Y). Tiến hành điều tra xác minh chưa làm việc được với Trần Quốc C nên cơ quan điều tra tiếp tục xác minh xử lý sau.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng hợp pháp, đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị

cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo **Trần Thị N** phạm tội **“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”**.

Xử phạt bị cáo **Trần Thị N 08 (tám) tháng tù**.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Không xét.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy 01 thẻ ATM có số thẻ 0904053006685969.

Tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 3.000.000 đồng do bị cáo tự nguyện nộp lại.

Vật chứng nêu trên Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành đang tạm giữ theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 02/3/2021, theo biên lai thu tiền số 06911 ngày 02/3/2021 và biên lai thu tiền số 06921 ngày 12/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Thị N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND H. Long Thành (1);
- Công an H. Long Thành (2);
- Chi cục THADS H. Long Thành (4);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Bị cáo (1); Bị hại (01);
- Người có QL, NV liên quan đến vụ án (01);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng (3).

Nguyễn Ngọc An